

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG RIỀNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2023/HNGĐ-ST  
Ngày 01 - 3 - 2023  
V/v ly hôn và nuôi con

**NHÂN DA  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

|                                       |                        |
|---------------------------------------|------------------------|
| <i>Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:</i> | Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên |
| <i>Các Hội thẩm nhân dân:</i>         | Ông Võ Minh Tuấn       |
|                                       | Ông Hà Bửu Khánh       |

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 455/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Ng H Đ, sinh năm 1976 (có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: KP 8, TT GR, H GR, T KG

***- Bị đơn:*** A Huỳnh Văn T, sinh năm 1974 (có đơn xét xử vắng mặt).

HKTT: KP 8, TT GR, H GR, T KG

Đang chấp hành án tại: Đội 31, Phân trại 2, Trại giam K 7 (thứ 7), huyện U MT, tỉnh KG.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Theo đơn khởi kiện ngày 08/4/2022 nguyên đơn chị Ng H Đ trình bày:***  
Chị Đ và A Huỳnh Văn T chung sống với nhau từ năm 1996, có tổ chức lễ cưới có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn GR, huyện GR, tỉnh KG ngày 30/12/2002. Quá

trình chung sống giữa chị Đ và A T không có hạnh phúc, thường siêng bị A T ngược đãi, đánh đập. Trong suốt thời gian chung sống bản thân chị rất đau khổ nhưng vì thương các con nên chị cố gắng cam chịu và khuyên nhủ để A T thay đổi nhưng A T không thay đổi. Đến năm 2017, A T trộm cắp T sản của Bệnh viện Ung Bướu tỉnh Kiên Giang đã bị bắt và bị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phạt 08 năm tù, hiện đang chấp hành án tại đội 31, phân trại 2, Trại giam K& (thứ 7), huyện UMT, tỉnh KG cho đến nay. Nay chị xét thấy không thể tiếp tục chờ đợi và bỏ qua lỗi của A T để tiếp tục chung sống vợ chồng với nhau. Nên chị yêu cầu được ly hôn với A Huỳnh Văn T.

Về con chung chị Đ xác định có 02 người con chung là Huỳnh Nguyễn Nguyên A, sinh ngày 27/01/1997 và Huỳnh Nguyễn Ngọc Ph, sinh ngày 12/01/2012, hiện chị đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, nay chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Huỳnh Nguyễn Ngọc Ph, sinh ngày 12/01/2012, không yêu cầu A T phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Nguyên A đã trưởng thành, không yêu cầu xem xét.

Về T sản chung, nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại Biên bản lấy lời khai ngày 27/10/2022, bị đơn A Huỳnh Văn T trình bày:** A T và chị Đ tự tìm hiểu tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Giồng Riềng, nhưng A không nhớ năm tổ chức lễ cưới và năm đăng ký kết hôn. A chị chung sống có 02 người con gồm Huỳnh Nguyễn Nguyên A, sinh ngày 27/01/1997 và Huỳnh Nguyễn Ngọc Ph, sinh ngày 12/01/2012, hiện các con đang sống cùng chị Đ. Nay chị Đ kiên quyết ly hôn A đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị Đ.

Về con chung A đồng ý giao con cho chị Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về T sản chung nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do hiện tại A T đang chấp hành án nên A xin Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Hội đồng xét xử, thẩm phán và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị Đ, A T tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định, nên xác định hôn nhân của A chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không được hạnh phúc. Hiện tại bị đơn A Huỳnh Văn T đang chấp hành án tại trại giam và có ý kiến đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Đ. Từ đó, xét thấy hôn nhân giữa chị Đ A T đã đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt.

Về con chung chị Đ A T xác định có 02 người con chung Huỳnh Nguyễn Nguyên A, sinh ngày 27/01/1997 và Huỳnh Nguyễn Ngọc Ph, sinh ngày 12/01/2012. A T đồng ý giao cháu Ph chưa đủ tuổi trưởng thành cho chị Đ trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng.

Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14; Điều 53; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử chấp nhận yêu cầu của chị Ng H Đ được ly hôn với A Huỳnh Văn T. Về con chung: Giao cháu Ph cho chị Đ nuôi dưỡng, A T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Đ không yêu cầu. Đối cháu A đã đủ tuổi trưởng thành không yêu cầu nên không xem xét.

Về T sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên đề nghị miễn xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; buộc chị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý đơn đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, A Huỳnh Văn T với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại khu phố 8, thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Đ và A Huỳnh Văn T là hôn nhân hợp pháp đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 30/12/2002 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, theo thẩm quyền đăng ký kết hôn quy định tại Điều 9; Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 cũng như Điều 10 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn chị Đ cho rằng A T đánh đập chị và A T có hành vi trộm cắp đã bị xét xử và đang chấp hành án tại trại giam Kênh 7, chị không thể chờ đợi và tha lỗi cho A T được. Nay chị không thể tiếp tục chung sống vợ chồng với A T. Đối với bị đơn Tòa án đã thông báo và tiến hành lấy lời khai theo quy định, bị đơn A Huỳnh Văn T xác định đồng ý ly theo yêu cầu chị Đ. Nên xét thấy, hôn nhân giữa chị Đ A T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ đối với A T.

[2.2]. Về con chung: Chị Đ, A T xác định có 02 người con gồm Huỳnh Nguyễn Nguyên A, sinh ngày 27/01/1997 và Huỳnh Nguyễn Ngọc Ph, sinh ngày 12/01/2012. A T đồng ý giao cháu Ph cho chị Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, A không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Đ không yêu cầu. Đối với cháu Nguyên A đã đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu xem xét. Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận giao cháu Huỳnh Nguyễn Ngọc Ph, sinh ngày 12/01/2012, cho chị Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Ph. A T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Đ không yêu cầu. Cháu Huỳnh Nguyễn Nguyên A, sinh ngày 27/01/1997, đã trưởng thành, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

A T có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

[2.3] Về T sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, chị Ng H Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí chị Đ đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu của Cơ quan Thi hành án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 144; Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 235; 266; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83; 84; 110; 116; 117 và 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ng H Đ được ly hôn với A Huỳnh Văn T.

**2.** Về quan hệ con chung: Giao cháu Huỳnh Nguyễn Ngọc Ph, sinh ngày 12/01/2012, cho chị Ng H Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, A Huỳnh Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Đ không yêu cầu. Cháu Huỳnh Nguyễn Nguyên A, đã trưởng thành, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

A T có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

**3.** Về T sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**4.** Án phí sơ thẩm: Chị Ng H Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0008562 ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

**5.** Quyền kháng cáo: Chị Ng H Đ, A Huỳnh Văn T vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Giồng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**Nguyễn Thị Mỹ Nhiên**